Trang/ *Page No*: 1/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 004002379.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : Số 37 Đ.Nguyễn Huệ - P.Lào Cai - TP. Lào Cai - T.Lào Cai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 20/03/2025
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 20/03/2025 - 30/03/2025
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **Bể chứa chi nhánh cấp nước huyện Si Ma Cai – TDP Phố Cũ – TT.Si Ma Cai – H.Si Ma Cai. Mã số mẫu 200325.76. Ngày lấy mẫu: 20/03/2025.**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)(s)/ Arsenic (As) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)(s)/ Cadmium (Cd) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)(s)/ Lead (Pb) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)(s)/ Chromium (Cr) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)(s)/ Copper (Cu) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F^-) (*)(s)/ Fluoride (F^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)(s)/ Zinc (Zn) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)(s)/ Aluminium (Al) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 2/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 004002379.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*)(s)/ Nickel (Ni) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*)(s)/ Selenium (Se) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S^{2-}) (*)(s)/ Sulfide (S^{2-}) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thuỷ ngân (Hg) (*)(s)/ Mercury (Hg) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	187	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN^-) (*)(s)/ Cyanide (CN^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*)(s)/ Phenol and its derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)(s)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*)(s)	4.10	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 3/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 004002379.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
24	Bromoform (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*)(ˢ)	1.35	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*)(ˢ)	1.62	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)(ˢ)/ Gross α-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*)(ˢ)/ Gross β-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested bysubcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
5. (ˢ): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (ˢ): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N:0314212615-004 C.T.T.N.H.H TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

HUỲNH TẤN CƯỜNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 005002380.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : Số 37 Đ.Nguyễn Huệ - P.Lào Cai - TP. Lào Cai - T.Lào Cai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 20/03/2025
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 20/03/2025 - 30/03/2025
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **VSD1 chi nhánh cấp nước huyện Si Ma Cai: Nguyễn Thị Thao – TDP Phố Thầu – TT.Si Ma Cai – H.Si Ma Cai. Mã số mẫu 200325.77. Ngày lấy mẫu: 20/03/2025.**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)(s)/ Arsenic (As) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)(s)/ Cadmium (Cd) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)(s)/ Lead (Pb) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)(s)/ Chromium (Cr) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)(s)/ Copper (Cu) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F^-) (*)(s)/ Fluoride (F^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)(s)/ Zinc (Zn) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)(s)/ Aluminium (Al) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 005002380.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*)(s)/ Nickel (Ni) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*)(s)/ Selenium (Se) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S^{2-}) (*)(s)/ Sulfide (S^{2-}) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thuỷ ngân (Hg) (*)(s)/ Mercury (Hg) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	228	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN^-) (*)(s)/ Cyanide (CN^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*)(s)/ Phenol and its derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)(s)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*)(s)	1.61	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 005002380.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
24	Bromoform (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*)(ˢ)	2.05	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)(ˢ)/ Gross α-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*)(ˢ)/ Gross β-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
5. (ˢ): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (ˢ): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-0 C.T.N.H.H TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 1/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 006002381.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : Số 37 Đ.Nguyễn Huệ - P.Lào Cai - TP. Lào Cai - T.Lào Cai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 20/03/2025
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 20/03/2025 - 30/03/2025
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **VSD2 chi nhánh cấp nước huyện Si Ma Cai: Nguyễn Văn Vũ – Phố Cũ – TT.Si Ma Cai – H.Si Ma Cai. Mã số mẫu 200325.78. Ngày lấy mẫu: 20/03/2025.**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)(s)/ Arsenic (As) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)(s)/ Cadmium (Cd) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)(s)/ Lead (Pb) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)(s)/ Chromium (Cr) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)(s)/ Copper (Cu) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F^-) (*)(s)/ Fluoride (F^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)(s)/ Zinc (Zn) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)(s)/ Aluminium (Al) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 2/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 006002381.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*)(s)/ Nickel (Ni) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*)(s)/ Selenium (Se) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S^{2-}) (*)(s)/ Sulfide (S^{2-}) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thuỷ ngân (Hg) (*)(s)/ Mercury (Hg) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	228	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN^-) (*)(s)/ Cyanide (CN^-) (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*)(s)/ Phenol and its derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)(s)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*)(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*)(s)	1.72	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 3Z665C0412
Mã KQ/ *RP. No*: 006002381.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/ BYT
24	Bromoform (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*)(ˢ)	2.21	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)(ˢ)/ Gross α-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*)(ˢ)/ Gross β-radioactivity (*)(ˢ)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
5. (ˢ): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (ˢ): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615 - C.T.N.H.H - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*